

CHÍNH PHỦ
Số: 13/1999/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 17 tháng 3 năm 1999

NGHỊ ĐỊNH

**Về tổ chức, hoạt động của tổ chức tín dụng nước ngoài, văn phòng đại diện
của tổ chức tín dụng nước ngoài tại Việt Nam**

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 01/1997/QH10 ngày 12 tháng 12 năm 1997;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 02/1997/QH10 ngày 12 tháng 12 năm 1997;

Theo đề nghị của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương 1:

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Nghị định này quy định tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài tại Việt Nam.

Điều 2.

1. Tổ chức tín dụng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam dưới các hình thức sau đây:

- Chi nhánh Ngân hàng nước ngoài ;
- Ngân hàng liên doanh;
- Tổ chức tín dụng phi ngân hàng: Công ty cho thuê tài chính liên doanh; Công ty cho thuê tài chính 100% vốn nước ngoài; Công ty tài chính liên doanh; Công ty tài chính 100% vốn nước ngoài và các tổ chức tín dụng phi ngân hàng khác.

2. Tổ chức tín dụng nước ngoài được đặt văn phòng đại diện tại Việt Nam.

Điều 3. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước) là cơ quan cấp và thu hồi giấy phép, quản lý, thanh tra hoạt động của các loại hình tổ chức tín dụng nước ngoài hoạt động tại Việt Nam. Việc cấp phép được xem xét theo yêu cầu phát triển kinh tế và thị trường tài chính của Việt Nam.

Điều 4.

1. Chi nhánh Ngân hàng nước ngoài là đơn vị phụ thuộc của Ngân hàng nước ngoài, được Ngân hàng nước ngoài bảo đảm chịu trách nhiệm đối với mọi nghĩa vụ và cam kết của chi nhánh tại Việt Nam. Chi nhánh Ngân hàng nước ngoài có các quyền và nghĩa vụ do pháp luật Việt Nam quy định, hoạt động theo Giấy phép mở chi nhánh và các quy định liên quan của pháp luật Việt Nam.

2. Các chi nhánh của cùng một Ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam là những đơn vị được tổ chức độc lập với nhau, phụ thuộc Ngân hàng nước ngoài và được Ngân hàng nước ngoài cấp vốn hoạt động.

Điều 5.

1. Ngân hàng liên doanh là ngân hàng được thành lập bằng vốn góp của Bên Việt Nam (gồm một hoặc nhiều ngân hàng Việt Nam) và Bên nước ngoài (gồm một hoặc nhiều ngân hàng nước ngoài) trên cơ sở hợp đồng liên doanh. Ngân hàng liên doanh là một pháp nhân Việt Nam, có trụ sở chính tại Việt Nam, hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động và theo các quy định liên quan của pháp luật Việt Nam.

2. Các chi nhánh của một ngân hàng liên doanh là đơn vị phụ thuộc của ngân hàng liên doanh.

Điều 6.

1. Công ty cho thuê tài chính liên doanh, Công ty tài chính liên doanh là tổ chức tín dụng phi ngân hàng liên doanh được thành lập bằng vốn góp của Bên Việt Nam và của Bên nước ngoài trên cơ sở hợp đồng liên doanh, là pháp nhân Việt Nam, có trụ sở chính tại Việt Nam, hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động và theo các quy định liên quan của pháp luật Việt Nam.

2. Công ty cho thuê tài chính 100% vốn nước ngoài, Công ty tài chính 100% vốn nước ngoài được thành lập bằng 100% vốn của tổ chức tín dụng nước ngoài, là pháp nhân Việt Nam có trụ sở chính tại Việt Nam, hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động và theo các quy định liên quan của pháp luật Việt Nam.

Điều 7. Văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài là đơn vị phụ thuộc của tổ chức tín dụng nước ngoài đặt tại Việt Nam, hoạt động theo pháp luật Việt Nam. Văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài không được thực hiện các hoạt động kinh doanh tại Việt Nam.

Điều 8.

1. Cơ quan giám sát, thanh tra có thẩm quyền của nước ngoài, Ngân hàng nước ngoài có chi nhánh tại Việt Nam được thanh tra, kiểm tra hoạt động của chi nhánh Ngân hàng nước ngoài hoạt động tại Việt Nam. Trước khi thanh tra, kiểm tra, cơ quan giám sát, thanh tra nước ngoài, Ngân hàng nước ngoài phải thông báo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước về nội dung, thời gian bắt đầu và kết thúc thanh tra, kiểm tra.

2. Sau khi kết thúc việc thanh tra, kiểm tra chi nhánh Ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam, cơ quan giám sát, thanh tra có thẩm quyền của nước ngoài, Ngân hàng nước ngoài phải báo cáo cho Ngân hàng Nhà nước kết quả việc thanh tra, kiểm tra trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc việc thanh tra, kiểm tra.

Điều 9.

1. Văn bản giao dịch chính thức của tổ chức tín dụng nước ngoài hoạt động tại Việt Nam với các cơ quan Nhà nước Việt Nam phải làm bằng tiếng Việt hoặc bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài thông dụng.

2. Các văn bản trong hồ sơ xin cấp Giấy phép của tổ chức tín dụng nước ngoài phải làm bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài thông dụng.

Chương 2:

TỔ CHỨC VÀ ĐIỀU HÀNH

Điều 10. Các tổ chức tín dụng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam khi có đủ các điều kiện theo quy định tại Điều 106 Luật Các tổ chức tín dụng và phải được

Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy phép mở chi nhánh, Giấy phép mở văn phòng đại diện (sau đây gọi chung là Giấy phép).

Điều 11.

1. Hồ sơ xin cấp Giấy phép của tổ chức tín dụng nước ngoài gửi cho Ngân hàng Nhà nước để xem xét cấp Giấy phép được lập theo quy định tại Điều 108 Luật Các tổ chức tín dụng.

2. Hồ sơ xin cấp Giấy phép của tổ chức tín dụng nước ngoài phải lập thành 2 bộ, một bộ bằng tiếng Việt và một bộ bằng tiếng nước ngoài thông dụng. Bộ hồ sơ bằng tiếng nước ngoài thông dụng được lập và chứng nhận ở nước ngoài phải được hợp pháp hoá lãnh sự. Các bản sao tiếng Việt và các bản dịch từ tiếng nước ngoài ra tiếng Việt phải được cơ quan công chứng Việt Nam xác nhận.

Điều 12. Thời hạn hoạt động của các tổ chức tín dụng nước ngoài tại Việt Nam được quy định trong Giấy phép, cụ thể như sau:

1. Chi nhánh Ngân hàng nước ngoài: không quá 20 năm;
2. Ngân hàng liên doanh, Công ty tài chính liên doanh và Công ty tài chính 100% vốn nước ngoài: không quá 30 năm;
3. Công ty cho thuê tài chính liên doanh, Công ty cho thuê tài chính 100% vốn nước ngoài: không quá 50 năm;
4. Văn phòng đại diện tổ chức tín dụng nước ngoài: không quá 5 năm.

Điều 13.

1. Tổ chức tín dụng nước ngoài muốn gia hạn hoạt động tại Việt Nam có thể được Ngân hàng Nhà nước xem xét từng lần; mỗi lần gia hạn tối đa bằng thời hạn ghi trong Giấy phép lần trước.

2. Tổ chức tín dụng nước ngoài khi có nhu cầu gia hạn hoạt động phải nộp đơn và hồ sơ xin gia hạn trước khi kết thúc thời hạn hoạt động ghi trong Giấy phép: tối thiểu 180 ngày đối với các tổ chức tín dụng nước ngoài quy định tại khoản 1, Điều 2 Nghị định này và 30 ngày đối với văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài.

Điều 14.

1. Văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài hoạt động tại Việt Nam chấm dứt hoạt động trong các trường hợp sau đây:

- a) Hết thời hạn hoạt động ghi trong Giấy phép. Ngân hàng Nhà nước sẽ thông báo bằng văn bản việc chấm dứt hoạt động của văn phòng đại diện tại Việt Nam;
- b) Tự nguyện chấm dứt hoạt động. Trong trường hợp này tối thiểu 60 ngày trước ngày dự kiến chấm dứt hoạt động của văn phòng đại diện, tổ chức tín dụng nước ngoài phải có đơn đề nghị gửi Ngân hàng Nhà nước;
- c) Bị thu hồi Giấy phép khi xảy ra một trong các trường hợp quy định ghi tại các điểm a, b, đ, khoản 1, Điều 29 Luật Các tổ chức tín dụng và khi tổ chức tín dụng nước ngoài bị phá sản;
- d) Tổ chức tín dụng nước ngoài được cấp phép hoạt động theo quy định tại khoản 1, Điều 2 Nghị định này nếu có văn phòng đại diện đã mở trên cùng địa bàn (tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương) thì phải chấm dứt hoạt động văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng đó.

2. Trước khi chấm dứt hoạt động, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài phải thực hiện đầy đủ mọi nghĩa vụ và thủ tục theo quy định của pháp luật.

3. Văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài phải trả Giấy phép, Giấy đăng ký hoạt động cho các cơ quan của Việt Nam đã cấp Giấy phép, Giấy đăng ký hoạt động chậm nhất vào ngày chấm dứt hoạt động.

Điều 15. Khi Ngân hàng nước ngoài giải thể hoặc bị phá sản thì chi nhánh hoạt động tại Việt Nam phải chấm dứt hoạt động. Trước khi chấm dứt hoạt động, Ngân hàng nước ngoài phải thực hiện đầy đủ mọi nghĩa vụ và hoàn tất các thủ tục cần thiết theo quy định của pháp luật Việt Nam và theo sự hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 16. Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày được cấp Giấy phép, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài, ngân hàng liên doanh, tổ chức tín dụng phi ngân hàng liên doanh và 100% vốn nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài phải hoạt động.

Điều 17. Tối thiểu 30 ngày trước ngày bắt đầu hoạt động, tổ chức tín dụng nước ngoài được cấp Giấy phép theo quy định tại khoản 1, Điều 2 của Nghị định này phải